



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2011



*(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301427564 ngày 20 tháng 08 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu, thay đổi lần thứ 9 ngày tháng năm 201 )*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ**

Trụ sở: 30 – 32 đường Phong Phú, Phường 12, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3855 0908 - (84-8) 3855 8419 Fax: (84-8) 3854 8334

E-mail: [info@phongphu.org](mailto:info@phongphu.org) Website : <http://phongphu.org>

Vốn điều lệ: 23.355.000.000 đồng

*Tp. HCM, tháng 03/2012*

## **MỤC LỤC**

<b>I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....</b>	<b>3</b>
1.1. Những sự kiện quan trọng: .....	3
1.2. Quá trình phát triển .....	4
1.3. Định hướng phát triển .....	5
<b>II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....</b>	<b>8</b>
2.1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm.....	8
2.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch .....	10
2.3. Những thay đổi chủ yếu trong năm .....	10
2.4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai.....	11
<b>III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC .....</b>	<b>12</b>
3.1. Báo cáo tình hình tài chính .....	12
3.2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	13
3.3. Những tiến bộ công ty đã đạt được.....	15
3.4. Kế hoạch phát triển trong tương lai .....	15
<b>IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH .....</b>	<b>16</b>
<b>V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN</b>	<b>16</b>
5.1. Kiểm toán độc lập .....	16
5.2. Kiểm toán nội bộ .....	18
<b>VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN.....</b>	<b>18</b>
<b>VII.TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ.....</b>	<b>18</b>
7.1. Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	18
7.1.1. Sơ đồ tổ chức .....	18
7.1.2. Diễn giải cơ cấu tổ chức .....	18
7.2. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty .....	19
7.2.1. Sơ đồ bộ máy quản lý .....	19



7.2.2. Diễn giải bộ máy quản lý.....	20
7.3. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành.....	23
7.3.1. Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc: Hồ Vinh Hiến.....	23
7.3.2. Thành viên .....	24
7.4. Thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng .....	25
7.5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách với người lao động.....	26
<b>VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.....</b>	<b>28</b>
8.1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: .....	28
8.1.1. Hội đồng quản trị.....	28
8.1.2. Ban kiểm soát .....	30
8.1.3. Thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát năm 2011 .....	30
8.1.4. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:.....	30
8.2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông .....	31
8.2.1. Cơ cấu cổ đông của Công ty.....	31
8.2.2. Cổ đông lớn và Cổ đông Nhà nước.....	31
8.2.3. Cổ đông sáng lập .....	32
8.2.4. Cổ đông nước ngoài.....	33
<b>IX. CÁC PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM.....</b>	<b>33</b>

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

# CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

### I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1.1. Những sự kiện quan trọng:

Công ty cổ phần Dược phẩm Phong Phú tiền thân là Cửa hàng quốc doanh Dược phẩm Quận 8 được thành lập vào tháng 10/1975. Đến tháng 12/1976 đơn vị được sáp nhập về Công ty Dược phẩm cấp II, có nhiệm vụ nhận và bán hàng, sau đó nộp toàn bộ doanh thu lên Công ty, thuốc bán theo toa của bác sĩ, lương nhân viên hưởng theo lương của Nhà nước quy định.

Tháng 10/1982 đơn vị được phân cấp về Quận 8 với tên mới là Hiệu thuốc quốc doanh Quận 8. Sau đó Xưởng Dược phẩm Quận 8 được sáp nhập vào đơn vị theo Quyết định số 09/QĐ-UB ngày 25/01/1983 của Ủy ban Nhân dân Quận 8, TP.HCM.

Từ 1986 – 1989 nền kinh tế nước ta bắt đầu chuyển sang cơ chế thị trường theo đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước, Công ty bắt đầu đi vào hoạt động độc lập.

Năm 1990 hoạt động của đơn vị đã có tiến triển, vốn đầu tư đã được tích lũy, kỹ thuật sản xuất cũng được cải tiến, trang thiết bị đổi mới, chất lượng sản phẩm làm ra cũng được nâng cao, đơn vị sản xuất thành công thuốc viên bấm vi giống thuốc ngoại mà chất lượng cũng không kém, sản phẩm làm ra được người tiêu thụ tin dùng, nhờ đó lợi nhuận của đơn vị ngày càng tăng lên và nguồn vốn đầu tư phát triển càng được mở rộng.

Năm 1992 theo chủ trương chính sách ngành y về Đông - Tây y kết hợp, đơn vị đã đi vào bào chế nhiều loại thuốc mới có nguồn gốc thiên nhiên để phục vụ người tiêu dùng. Bên cạnh đó việc mở rộng sản xuất còn góp phần làm tăng thêm lợi nhuận cho Công ty. Cũng trong năm này, theo Quyết định

số 338/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về việc thành lập doanh nghiệp nhà nước, đơn vị được Ủy ban nhân dân TP.HCM cho phép thành lập doanh nghiệp nhà nước với tên gọi Công ty Dược phẩm Quận 8.

Theo chủ trương đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước về việc cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước để nâng cao hiệu quả hoạt động, ngày 28/12/1999 Ủy ban nhân dân TP.HCM ra Quyết định số 8030/QĐ-UB-KT về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty Dược phẩm Quận 8 thành Công ty cổ phần Dược phẩm Phong Phú.

## **1.2. Quá trình phát triển**

### ***Ngành nghề kinh doanh:***

Theo Giấy Chứng nhận ĐKKD Công ty cổ phần số 0301427564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp Đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 11/02/2011, ngành nghề kinh doanh Công ty bao gồm:


- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (Mã ngành 2100);
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (mã ngành: 4772);
- Kinh doanh thuốc chữa bệnh, xuất nhập khẩu trực tiếp, mua bán mỹ phẩm (mã ngành: 4649);
- Sản xuất trà (mã ngành: 3296);
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa ( mã ngành : 1050);
- Sản xuất các loại bánh từ bột (mã ngành: 1071);
- Sản xuất mì ống, mì sợi và các sản phẩm tương tự (mã ngành: 1074);
- Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai, đồ uống không cồn (không sản xuất tại trụ sở) (mã ngành: 1104);
- Mua bán trà; Bán buôn đường sữa và các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, đồ uống không có cồn. Mua bán thực phẩm chức năng (mã ngành: 4632);
- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng. Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh (mã ngành: 4932);
- Lưu giữ hàng hóa (mã ngành: 3210);

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (mã ngành: 6810);
- Sản xuất thực phẩm chức năng (trừ chế biến thực phẩm tươi sống) (mã ngành: 1079);
- Dịch vụ y tế (sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hành nghề) (mã ngành: 8699);
- Sản xuất cacao, sôcôla và mút kẹo (mã ngành: 1073).

 **Tình hình hoạt động:**

- Các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận, thu nhập người lao động đều đạt và vượt so với kế hoạch.
- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống phân phối ( bao gồm các Hiệu thuốc bán buôn và bán lẻ) đạt các tiêu chuẩn do Bộ Y tế qui định để chuẩn hóa hoạt động và tăng cường khả năng kinh doanh của hệ thống trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.
- Công ty đã phát triển dòng sản phẩm : thực phẩm chức năng đáp ứng cho nhu cầu của thị trường, bổ sung vào kế hoạch sản xuất kinh doanh và đem lại hiệu quả đáng kể trong năm 2011.
- Ban Quản lý dự án xây dựng nhà máy sản xuất dược phẩm theo tiêu chuẩn GMP-WHO thực hiện đúng Quy chế, giám sát quản lý ngân sách chi phí các hạng mục thi công nhằm đẩy nhanh tiến độ đảm bảo nhà máy đi vào hoạt động kịp kế hoạch.
- Các chế độ đối với người lao động được thực hiện đầy đủ. Đảm bảo 100% người lao động có việc làm, thu nhập người lao động tăng so với năm 2010.

### **1.3. Định hướng phát triển**

 **Hoạt động thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy:**

- Năm 2012, Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú xác định mục tiêu

trọng tâm là hoàn thành dự án xây dựng Nhà máy sản xuất dược phẩm Phong Phú theo tiêu chuẩn GMP-WHO. Hiện nay dự án đầu tư đã hoàn thiện phần xây dựng, đang trong giai đoạn lắp đặt, nghiệm thu các máy móc thiết bị. Dự kiến nhà máy đưa vào hoạt động đầu quý 3/2012.

**- Hoạt động sản xuất kinh doanh :**

- Thành lập 02 chi nhánh: Chi Nhánh 1 – Hiệu thuốc Trung Tâm và Chi Nhánh 2 – Xưởng thực phẩm chức năng.
- Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt chú trọng Thị trường TP.HCM và các tỉnh miền Đông và Tây Nam Bộ. Tăng cường hợp tác với các đối tác truyền thống nhằm đẩy mạnh việc tiêu thụ sản phẩm của Công ty trên toàn quốc.
- Đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động chăm sóc khách hàng, các hoạt động tiếp thị quảng cáo, xây dựng các chính sách bán hàng có tính hiệu quả cao.
- Xây dựng quy chế hoạt động Hệ thống phân phối (bao gồm các Hiệu thuốc bán buôn và bán lẻ) nhằm định hướng hoạt động mạng lưới phân phối mang tính chuyên nghiệp đồng thời quảng bá sâu rộng thương hiệu Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú trên địa bàn Tp HCM nói riêng và ngành dược cả nước nói chung.
- Cũng cố và phát triển mạng lưới các cộng tác viên, các nhà phân phối tại các tỉnh miền Đông và Tây Nam bộ, khu vực Tây nguyên, khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Hợp tác với các đối tác chiến lược trong việc mở rộng mạng lưới phân phối sản phẩm tại các tỉnh miền Trung và miền Bắc.
- Hoàn thành việc tái cấu trúc lại Công ty, chuẩn hóa công tác quản lý và công tác tổ chức. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn giỏi, tập trung đầu tư việc nghiên cứu khoa học kỹ thuật, phát triển các sản phẩm Đông dược mới, có tính cạnh tranh cao trên thị trường.

**+ Hoạt động tiếp thị và quảng bá thương hiệu:**

- Xây dựng đội ngũ Cộng tác viên chuyên nghiệp, có kiến thức chuyên môn tốt, kỹ năng làm việc hiệu quả, thật sự là người đại diện cho hình ảnh của PP.PHARCO.
- Xây dựng Bộ nhận dạng thương hiệu PP.PHARCO nhằm nâng cao hiệu quả trong việc quảng bá hình ảnh Công ty và các sản phẩm truyền thống tạo nên thương hiệu PP.PHARCO.
- Tăng cường việc quảng bá sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo chí, truyền thanh, truyền hình, internet...). Bên cạnh đó, xây dựng những chương trình PR, khuyến mãi thật sự đa dạng và phong phú nhằm mang lại hiệu quả cao.
- Hoàn chỉnh việc đầu tư nâng cấp website: [www.phongphu.org](http://www.phongphu.org), đây là kênh thông tin, quảng bá hình ảnh Công ty thiết thực và hiệu quả.

**+ Hoạt động tài chính:**

- Trong quý 1, 2/2012 tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 02/2011 của Đại hội đồng cổ đông ngày 25 tháng 06 năm 2011, hoạt động tài chính thực hiện những công việc sau:
  - a. Hội đồng quản trị thống nhất ủy quyền cho Giám đốc ký hợp đồng vay ngân hàng thêm 18 tỷ đồng nhằm bổ sung nguồn vốn thực hiện dự án đầu tư trang bị máy móc thiết bị, công nghệ sản xuất sản phẩm mới cho nhà máy.
  - b. Thực hiện kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu nhằm bổ sung vốn cho sản xuất kinh doanh sau khi nhà máy đi vào hoạt động.
  - c. Hoàn thiện hoạt động quản lý tài chính, quản lý chặt chẽ tài sản, nguồn vốn, sử dụng vốn hiệu quả, đảm bảo tính minh bạch trong quản lý tài chính Công ty.



## II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 2.1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm

Hiện nay, Công ty cổ phần Dược phẩm Phong Phú sản xuất khoảng 50 sản phẩm. Trong đó với hơn 20 loại dược phẩm có nguồn gốc hoàn toàn từ dược liệu thiên nhiên tham gia thị trường như: Nasalis, Chophytin, Diệp hạ châu, Điều kinh ích mẫu, Ích thận kang..

Theo dạng bào chế, các sản phẩm của công ty được chia thành các nhóm:

**Nhóm thuốc viên:** Chophytin, Nasalis, Kim tiền thảo, Diệp hạ châu..

**Nhóm thuốc gói:** Oresol, .....

Một số sản phẩm nổi bật và đã từng bước khẳng định thương hiệu tại thị trường trong nước như: Chophytin, Hepacalcium, Kim tiền thảo, Điều kinh ích mẫu, Diệp hạ châu, Nasalis...

Hệ thống bán buôn đạt tiêu chuẩn GDP “Thực hành tốt phân phối thuốc” và Hệ thống bán lẻ bao gồm chuỗi Hiệu thuốc đạt tiêu chuẩn GPP “Thực hành tốt nhà thuốc” từng bước được hình thành góp phần đảm bảo chất lượng sản phẩm của Công ty khi đến tay người tiêu dùng, quảng bá hình ảnh và nâng tầm thương hiệu PP.PHARCO trên thị trường dược phẩm đầy tính cạnh tranh như hiện nay.

Năm 2011 là năm có nhiều thách thức cho hoạt động kinh doanh của Công ty do tất cả nguồn lực tập trung chủ yếu vào việc xây dựng Nhà máy, tái cấu trúc khâu tổ chức quản lý Công ty. Tuy nhiên sản lượng sản xuất của Công ty trong năm vượt 102,57% so với sản lượng sản xuất năm 2010, nguyên do Công ty phát triển sản xuất nhóm hàng thực phẩm chức năng bổ sung vào kế hoạch sản xuất trong năm 2011.

**Sản lượng sản phẩm/dịch vụ cung cấp 02 năm gần nhất:**

Sản phẩm/dịch vụ	Đơn vị tính	Năm 2010	Năm 2011	% tăng, giảm
Sản lượng thuốc viên sản xuất	Triệu viên	107	216,75	+102,57%
Sản lượng thuốc nước sản xuất	Lít	0	0	
Sản lượng thuốc gói sản xuất	Kg	33.601	12.225	-63,61%

**2.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch**

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2011	Thực hiện năm 2011	% hoàn thành kế hoạch
Tổng giá trị tài sản	82.000	73.418	89,53%
Vốn điều lệ	23.355	23.355	<b>100%</b>
Doanh thu thuần	70.000	84.518	<b>120,74%</b>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.700	1.994	117,29%
Lợi nhuận khác	2.000	577	28,85%
Lợi nhuận trước thuế	3.700	2.571	69,48%
Thu nhập trên 1 cổ phần (đồng)	1.188	897	75,50%
Tỷ lệ trả cổ tức/ mệnh giá cổ phần (%)	5%	5%	100,00%
Số CB-CNV bình quân (người)	125	132	<b>105,6%</b>
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	3,3	3,8	<b>115,15%</b>

Năm 2011, tổng doanh thu thuần của Công ty đạt 120,74% so với kế hoạch đề ra, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 117,29% so với kế hoạch, lợi nhuận khác chỉ đạt 28,85% so kế hoạch nguyên do Công ty chưa thực hiện việc chuyển nhượng khu đất tại khu CN Hải Sơn ( Long An). Năm 2011 cũng là năm nhiều thách thức với Công ty, vì nhà máy đang trong giai đoạn xây dựng, tuy nhiên Công ty đã phấn đấu đạt mức trả cổ tức 5% theo kế hoạch đề ra, đảm bảo thu nhập cho người lao động tăng 15,15% so với kế hoạch.

**2.3. Những thay đổi chủ yếu trong năm**

Ngày 18/07/2011 cổ phiếu mã PPP của Công ty chính thức chuyển sang giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ( HNX) theo QĐ số 319/QĐ ngày 05/07/2011.

## 2.4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Nhà máy sản xuất Dược phẩm Phong Phú theo tiêu chuẩn GMP – WHO khởi công xây dựng vào 24/12/2010 tại Lô số 12, Đường số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP.HCM. Đến nay công trình đang vào giai đoạn hoàn thiện xây dựng, đang lắp đặt máy móc thiết bị dự kiến nghiệm thu. Theo kế hoạch dự kiến, nhà máy sẽ được thẩm định và đưa vào hoạt động vào Quý III năm 2012.

Hệ thống phân phối sẽ được xây dựng theo các tiêu chuẩn GDP và GPP nhằm phát triển và nâng tầm thương hiệu PP.PHARCO trong ngành.

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2012-2013 như sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2011	2012		2013	
		Giá trị (VND)	% tăng, giảm so với 2011	Giá trị (VND)	(%) tăng giảm so với 2012
Tổng giá trị tài sản (triệu đồng)	73.418	115.288	57,03%	119.656	3,79%
Vốn điều lệ (triệu đồng) (*)	23.355	35.355	51,38%	48.355	36,77%
Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	30.958	43.256	39,72%	56.256	30,05%
Doanh thu thuần (triệu đồng)	84.518	116.000	37,25%	150.000	29,31%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (triệu đồng)	1.994	5.395	170,56%	10.500	94,62%
Lợi nhuận khác (triệu đồng)	577	363	-37,09%	380	4,68%
Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	2.571	5.758	123,96%	10.880	88,95%
Thu nhập trên 1 cổ phần (đồng)	897	1.221	36,12%	1.687	38,17%
Tỷ lệ trả cổ tức/ mệnh giá cổ phần (%)	5%	10%	100,00%	11%	10,00%
Số CB-CNV bình quân (người)	132	180	36,36%	200	11,11%
Thu nhập bình quân (triệu đồng/ người/tháng)	3,8	3,8	0,00%	4	5,26%

(\*): Vốn điều lệ năm 2012 tăng thêm do Công ty có kế hoạch phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

### III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 3.1. Báo cáo tình hình tài chính

 Các chỉ tiêu tài chính của Công ty thể hiện trong bảng sau:

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)</b>		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	7,55	5,08
- Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	5,97	3,38
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (lần)</b>		
- Hệ số nợ/Tổng tài sản:	0,45	0,58
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu:	0,81	1,37
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (lần)</b>		
- Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	12,97	9,65
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân:	1,32	1,33
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)</b>		
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,60%	2,48%
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	3,67%	6,91%
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	2,12%	3,29%
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	1,86%	2,36%
<b>5. Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần (Mệnh giá :10.000đ/CP)</b>		
- Thu nhập trên mỗi cổ phần (đồng/cổ phần)	457,65	897,25

**🚩 Giá trị sổ sách của Công ty:**

**Giá trị sổ sách một cổ phần tại ngày 31/12/2010 (mệnh giá 10.000 đồng)**

Vốn Điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2010 là: 23.355.000.000 đồng

$$\text{Giá trị sổ sách cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{(\text{Tổng số cổ phần} - \text{cổ phiếu quỹ})} = \frac{29.670.130.476}{2.335.500} = \mathbf{12.704 \text{ đồng/CP}}$$

**Giá trị sổ sách một cổ phần tại ngày 31/12/2011 (mệnh giá 10.000 đồng)**

Vốn Điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2011 là: 23.355.000.000 đồng

$$\text{Giá trị sổ sách cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{(\text{Tổng số cổ phần} - \text{cổ phiếu quỹ})} = \frac{30.958.142.017}{2.335.500} = \mathbf{13.255 \text{ đồng/C}}$$

**3.2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Năm 2011 kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	
			Giá trị	% tăng giảm so với 2010
1	Tổng giá trị tài sản	53.741.145.390	73.418.041.259	36,61%
2	Doanh thu thuần	66.713.518.423	84.518.461.862	26,69%
3	Giá vốn hàng bán	61.119.938.049	76.582.410.820	25,30%
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.593.580.374	7.936.051.042	41,88%
5	Lợi nhuận từ HĐKD	1.243.801.056	1.994.486.332	60,35%
6	Lợi nhuận khác	224.956.152	576.893.429	156,45%
7	Lợi nhuận trước thuế	1.468.757.208	2.571.379.761	75,07%
8	Lợi nhuận sau thuế	1.068.852.372	2.095.546.778	96,06%
9	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	65,55%	55,73%	-14,98%

Năm 2010 tổng tài sản của PP.Pharco đã đạt hơn 53 tỷ đồng, và đến năm 2011, con số này đạt hơn 73 tỷ đồng. Tuy nhiên tổng tài sản tăng nhanh chủ yếu là do nợ phải trả tăng từ 24,071 tỷ đồng năm 2010 lên 42,459 tỷ đồng năm 2011. Đây là nguồn vay và nợ dài hạn từ Ngân hàng PT Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long – CN Chợ Lớn để huy động vốn cho dự án Xây dựng nhà máy dược phẩm theo tiêu chuẩn GMP-WHO tại Long An. Hiện tại việc đầu Xây dựng Nhà máy đã được thực hiện tại Khu công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP.HCM.

Doanh thu, lợi nhuận, sản lượng sản xuất và tiêu thụ đều tăng, phí đầu vào như nguyên vật liệu, chi phí quảng cáo, điện, nước,... tăng mạnh, nhưng giá bán không tăng nhiều do sản phẩm chưa đạt tiêu chuẩn GMP. Tình hình lạm phát cao kéo theo các chi phí khác trong năm của Công ty tăng lên ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh.

Trong năm 2011 Công ty đã ký được nhiều hợp đồng lớn với các đối tác cụ thể một số hợp đồng như sau:

STT	Số HĐ	Ngày ký HĐ	Nội dung HĐ	Ngày đáo hạn	Khách hàng	Giá trị HĐ (VNĐ)
1	016/HĐ-KT	06/01/2011	Bán sản phẩm Công ty sản xuất	31/12/2011	Công ty CP DP Quận 10	6.000.000.000
2	017/ HĐ-KT	06/01/2011	Bán sản phẩm Công ty sản xuất	31/12/2011	Công ty TNHH DP Hải Tâm	3.600.000.000
3	012/ HĐ-KT	06/01/2011	Bán sản phẩm Công ty sản xuất	31/12/2011	Công Ty TNHH Dược Phẩm An Tâm	1.200.000.000
4	007/ HĐ-KT	06/01/2011	Bán sản phẩm Công ty sản xuất	31/12/2011	Công ty CP DP Bến Tre	Hợp đồng nguyên tắc

4	008/SPC-NL/2011	04/01/2011	Mua nguyên, phụ liệu để sản xuất thuốc	31/12/2011	Công Ty Dược Sài Gòn	Hợp đồng nguyên tắc
5	02/HĐM B	03/01/2011	Nhận phân phối dược phẩm	31/12/2011	Công ty Dược Vidiphar	Hợp đồng nguyên tắc
6	16/HĐM B/BT	21/12/2011	Nhận phân phối dược phẩm	31/12/2011	Công ty Dược & VTYT Bình Thuận	Hợp đồng nguyên tắc

Với nỗ lực và tận tâm vì Công ty của HĐQT, Ban Giám đốc, trong các năm tới sẽ tìm các biện pháp để Công ty sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao hơn và thực hiện được nhiều hợp đồng lớn với các đối tác, khách hàng.

### **3.3. Những tiến bộ công ty đã đạt được:**

- Trong năm Công ty đã củng cố và xây dựng lại bộ máy làm việc của Công ty, nâng cao chất lượng hoạt động của các bộ phận chức năng.
- Chuẩn hóa quy trình làm việc giúp hoạt động sản xuất và kinh doanh từng bước được cải thiện và mở rộng.
- Xây dựng tốt mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với các đối tác chiến lược. Từng bước hình thành và mở rộng các mối quan hệ hợp tác mới.

### **3.4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

- Năm 2012, Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú xác định mục tiêu trọng tâm là hoàn thành dự án xây dựng Nhà máy sản xuất dược phẩm Phong Phú theo tiêu chuẩn GMP-WHO tại KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM.
- Thực hiện kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu trong năm 2012 nhằm tăng cường nguồn vốn đầu tư cho Nhà máy, bổ sung vốn sản xuất kinh doanh cho Công ty.



- Tiếp tục củng cố, xây dựng hệ thống mạng lưới phân phối đạt tiêu chuẩn GDP và GPP, duy trì mối quan hệ hợp tác kinh doanh với các đối tác khách hàng truyền thống, mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác mới.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ có chuyên môn cao, chuẩn hóa công tác quản lý và tổ chức. Chú trọng công tác nghiên cứu phát triển dòng sản phẩm mới viên nang mềm.....

#### **IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

- Bảng cân đối kế toán 31/12/2011: (Xem phụ lục 01 đính kèm)
- Báo cáo kết quả kinh doanh 2011: (Xem phụ lục 02 đính kèm)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2011: (Xem phụ lục 03 đính kèm)
- Thuyết minh báo cáo tài chính 2011: (Xem phụ lục 04 đính kèm)

#### **V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

##### **5.1. Kiểm toán độc lập**

Đơn vị kiểm toán độc lập:

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3820 5944

Fax: (84-8) 3820 5942

Toàn văn ý kiến của Kiểm toán về Báo cáo tài chính 2011 của Công ty như sau:

Số : 170 /BCKT-TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Dược Phẩm Phong Phú

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dược Phẩm Phong Phú được lập ngày 07/02/2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dược Phẩm Phong Phú đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả kinh doanh trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)



Tổng Giám đốc

LÊ VĂN TUẤN

Chứng chỉ KTV số: 0479/KTV

Tp Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2012

Kiểm toán viên



TẠ QUANG LONG

Chứng chỉ KTV số: 0649/KTV

## 5.2. Kiểm toán nội bộ

- Ý kiến kiểm toán nội bộ: Không có
- Các nhận xét đặc biệt: Không có

## VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty: **Không có**
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ: **Không có**
- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan: **Không có**
- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan: **Không có**

## VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### 7.1. Cơ cấu tổ chức của Công ty

#### 7.1.1. Sơ đồ tổ chức



#### 7.1.2. Diễn giải cơ cấu tổ chức

Công ty có một (01) trụ sở chính, 01 Xưởng sản xuất, 01 Ban dự án và 84 Hiệu thuốc trực thuộc tại Tp. Hồ Chí Minh:

##### **Trụ sở chính:**

Địa chỉ: 30-32 đường Phong Phú, Phường 12, Quận 8, Tp Hồ Chí Minh

##### **Xưởng sản xuất**

Địa chỉ: 179 đường Phong Phú, Phường 11, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh

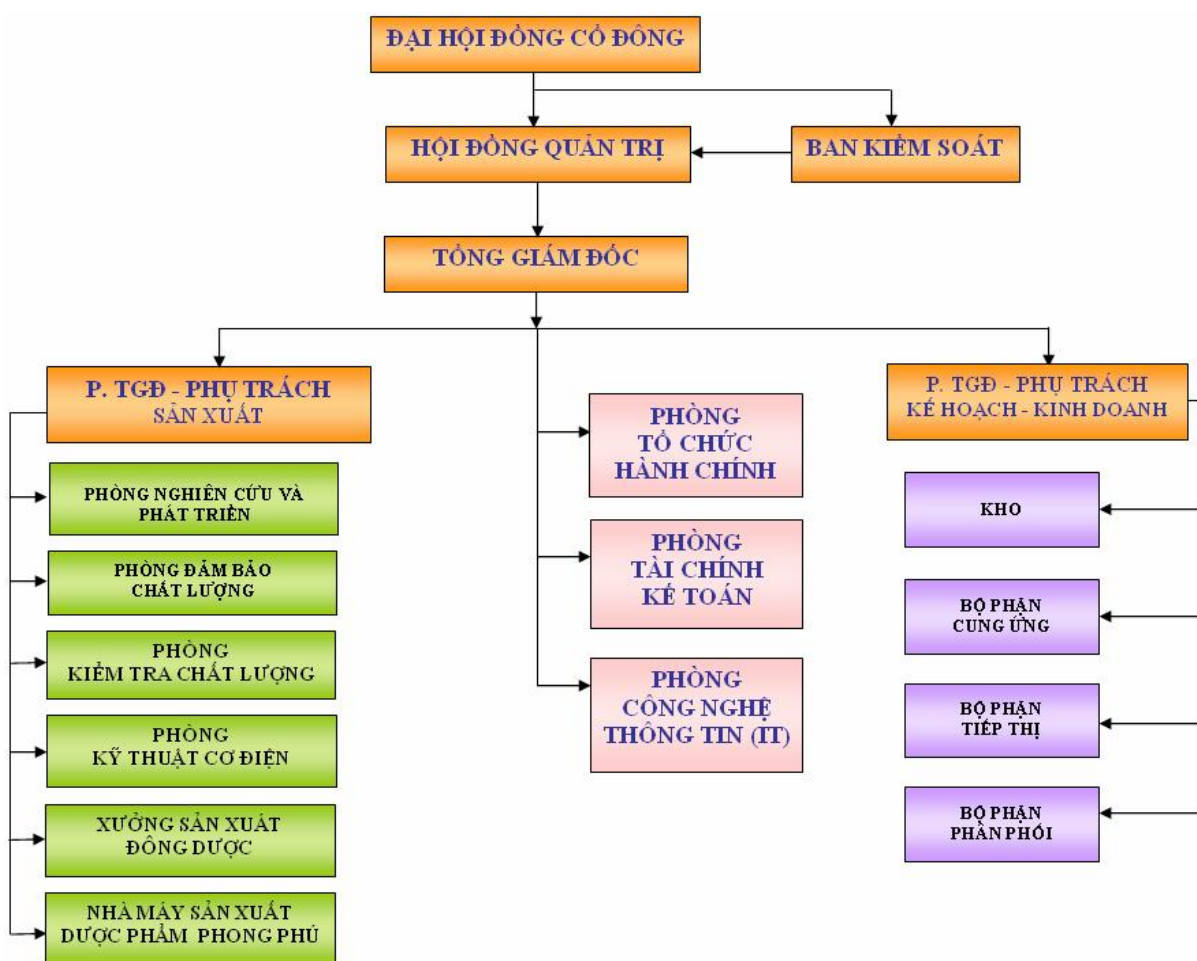
##### **84 Hiệu thuốc trực thuộc tại Tp Hồ Chí Minh**

##### **Ban dự án (Nhà máy sản xuất Dược phẩm theo tiêu chuẩn GMP-WHO)**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Tân Tạo (Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp. HCM).

## 7.2. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

### 7.2.1. Sơ đồ bộ máy quản lý



## **7.2.2. Diễn giải bộ máy quản lý**

### **+ Đại hội đồng Cổ đông**

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, họp ít nhất mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. ĐHĐCĐ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Công ty.

### **+ Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị của Công ty có 07 thành viên gồm 01 Chủ tịch, 01 Phó chủ tịch và 05 Ủy viên. Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 năm.

### **+ Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát là cơ quan có chức năng hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra và thay mặt ĐHĐCĐ giám sát mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, báo cáo trực tiếp ĐHĐCĐ. Ban Kiểm soát của Công ty có 03 thành viên, gồm 01 Trưởng ban và 02 thành viên. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 năm.

### **+ Ban Tổng Giám đốc**

Ban Giám đốc gồm 01 Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất và Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh). Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

### **+ Các Bộ phận chức năng**

Công ty có các Bộ phận chức năng hỗ trợ cho Ban Tổng Giám đốc thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty được vận hành tốt. Công ty gồm có 05 Bộ phận chức năng:

Ø **Phòng Tổ chức - Hành chính:** có chức năng tham mưu cho Ban Giám đốc về bộ máy sản xuất kinh doanh, và bố trí nhân sự cho phù hợp với nhu cầu phát triển của Công ty; quản lý hồ sơ lý lịch của công nhân viên; quản lý lao động tiền lương; xây dựng kế hoạch đào tạo nghiệp vụ; đồng thời thực hiện công tác hành chính như công tác an ninh quốc phòng, bảo vệ cơ quan, môi trường, phòng cháy chữa cháy.

Ø **Phòng Tài chính - Kế toán:** có chức năng tổ chức bộ máy kế toán; quản lý vốn và tài sản; thực hiện các nhiệm vụ về kế toán và thủ quỹ, thống kê, lập các báo cáo quyết toán quý, năm và quyết toán đầu tư; tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm.

Ø **Phòng Công nghệ thông tin (IT):**

Phòng Công nghệ thông tin chịu trách nhiệm quản lý hệ thống thông tin nội bộ tại đơn vị bao gồm: hệ thống mạng Lan, thiết bị đường truyền phục vụ Internet tại đơn vị, máy vi tính, máy In, máy fax, máy photo, hệ thống thông tin liên lạc (điện thoại, âm thanh,...), máy chiếu, máy chụp hình, ... Phòng Công nghệ thông tin chịu trách nhiệm quản lý website, cập nhật thông tin website theo quyết định của Tổng Giám đốc; theo dõi thông tin trên mail của Công ty và chuyển những nội dung mail về các Phòng ban theo đúng nội dung và chức năng.

Ø **Phòng đảm bảo chất lượng (Q.A):**

Phòng đảm bảo chất lượng chịu trách nhiệm xây dựng chính sách chất lượng, hệ thống chất lượng (GMP - WHO) của Công ty trình Lãnh Đạo phê duyệt Thiết lập và điều hành hệ thống quản lý chất lượng toàn diện của Công ty phù hợp với các yêu cầu GMP,... Tổ chức và hướng dẫn thực hiện tốt hệ thống Đảm bảo chất lượng đã được xác lập nhằm đảm bảo mọi sản phẩm sản xuất tại Công ty khi đưa ra thị trường đạt các yêu cầu về chất lượng như đã đăng ký. .Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, huấn luyện các nội dung liên quan đến quản lý chất lượng (GMP,...).

Ø **Phòng kiểm tra chất lượng (Q.C):** đánh giá các loại thuốc sản xuất đạt chất tiêu chuẩn chất lượng như đã đăng ký; phối hợp tìm hiểu và giải quyết kịp

thời các sự cố bất thường trong quá trình sản xuất; theo dõi việc thực hiện các phương pháp lấy mẫu để xác định chất lượng thành phẩm thuốc sản xuất; ký duyệt các kết quả kiểm nghiệm về nguyên phụ liệu, bao bì trước khi đưa vào sử dụng; thực hiện các hồ sơ tài liệu có liên quan tìm hiểu và giải quyết các nguyên nhân gây ảnh hưởng đến chất lượng thuốc.

Ø **Phòng kỹ thuật cơ điện:** Theo dõi, kiểm tra và bảo trì các thiết bị sản xuất của Công ty, bảo đảm thiết bị luôn ở trong tình trạng tốt, lắp đặt và hướng dẫn vận hành máy móc an toàn và hiệu quả. Thối dõi và triển khai các biện pháp an toàn – vệ sinh trong Công ty. Kết hợp với Phòng kiểm tra chất lượng, Phòng đảm bảo chất lượng, phòng R&D thẩm định, báo cáo thẩm định thiết bị nhà xưởng. Tham gia vào chương trình tự thanh tra GMP.

Ø **Phòng nghiên cứu và phát triển (R&D):** có nhiệm vụ triển khai nguyên cứu và sản xuất các mặt hàng mới, ban hành tiêu chuẩn bao bì và quy cách đóng gói của sản phẩm phù hợp với quy định của ngành và thị hiếu khách hàng.

Ø **Xưởng sản xuất:** xưởng sản xuất chịu sự điều hành trực tiếp của Phó Giám đốc phụ trách sản xuất.

Chức năng của Xưởng sản xuất là Tổ chức sản xuất để thực hiện đúng kế hoạch sản xuất theo nguyên tắc của thực hành tốt sản xuất thuốc; Quản lý và sử dụng trực tiếp công nghệ thiết bị, các phương tiện và dụng cụ một cách hiệu quả đối với hoạt động sản xuất; Quản lý và trực tiếp tổ chức phân công, điều phối các lực lượng lao động đang làm việc tại xưởng.

Ø **Bộ phận cung ứng:** Có kế hoạch cung ứng đủ nguyên liệu cho dự trữ sản xuất phù hợp giá cả và đạt yêu cầu chất lượng đầu vào của nguyên liệu làm thuốc.

Ø **Bộ phận phân phối:** có chức năng tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong công tác xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm; tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong việc ký kết hợp đồng mua bán giữa các khách hàng và Công ty; kiểm soát và quản lý quá trình thực hiện các hợp đồng kinh tế đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt; và xây dựng kế hoạch cung ứng hàng hóa phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh.

Ø **Bộ phận tiếp thị:** Có chức năng kiến tạo một hệ thống phân phối hoàn chỉnh đạt GDP (Good Distribution Practices - Thực hành tốt phân phối thuốc) và GPP (Good Pharmacy Practices - Thực hành tốt quản lý nhà thuốc), phát triển thành chuỗi, thực hiện chiến lược phân loại, thăm dò, thống kê khách hàng phối hợp với bộ phận cung ứng để đẩy mạnh chiến lược bán hàng.

### **7.3. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành**

✚ Ban Tổng Giám đốc gồm 02 thành viên:

Ông Hồ Vinh Hiển: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Khôi: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

✚ Tiền lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Tổng Giám đốc: Theo quy chế tiền lương và thưởng của Công ty.

#### **7.3.1. Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc: Hồ Vinh Hiển**

- Họ và tên: *Hồ Vinh Hiển*
- Giới tính: *Nam*
- Số CMND: *022017384* ngày cấp: *11/01/2005* nơi cấp: *CA Tp.HCM*
- Ngày tháng năm sinh: *31/08/1969*
- Nơi sinh: *Tp. Hồ Chí Minh*
- Quốc tịch: *Việt Nam*
- Dân tộc: *Kinh*
- Quê quán: *Bến Tre*
- Địa chỉ thường trú: *302/1 bis Hai Bà Trưng, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM*
- ĐT liên lạc ở cơ quan: *(84-8) 3855 0908*
- Trình độ văn hóa: *12/12*
- Trình độ chuyên môn: *Dược sĩ Đại học*
- Quá trình công tác:  
+ *Từ năm 1994 - 2007: Trưởng Phòng kinh doanh PP.Pharco*



- + Từ năm 2005 đến năm 2007: Thành viên Hội đồng quản trị PP.Pharco
- + Từ năm 2007 đến tháng 06 năm 2010: Thành viên Hội đồng quản trị PP.Pharco kiêm Phó Giám đốc kinh doanh PP.Pharco
- + Từ tháng 07 năm 2010 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị PP.Pharco-Tổng Giám đốc PP.Pharco.
- Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc PP.Pharco
- Chức vụ tại các tổ chức khác : Không
- Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 14/01/2011:
  - Sở hữu cá nhân: **77.600** cổ phần (chiếm 3,32% vốn điều lệ)
  - Sở hữu đại diện: **152.869** cổ phần (Đại diện phần vốn Nhà nước)
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty. Thù lao hàng năm do ĐHCĐ thường niên thông qua.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phần Công ty: Không

### **7.3.2. Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc: Lê Văn Khôi**

- Họ và tên: Lê Văn Khôi
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 023841137 ngày cấp: 01/12/2009 nơi cấp: CA Tp.HCM
- Ngày tháng năm sinh: 11/04/1960
- Nơi sinh: Long An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Long An
- Địa chỉ thường trú: 40/13/13 Tô Hiệu, Phường Tân Thới Hoà, Quận Tân Phú, TP.HCM

- ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-8) 3855 0908
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại học
- Quá trình công tác:
  - + Từ năm 1985 - 1990: Tổ trưởng Tổ pha chế Khoa Dược Quân Y Viện 7A
  - + Từ năm 1991 - 1999: Thủ kho PP.Pharco
  - + Từ năm 2000 - 2003: Quản đốc PP.Pharco
  - + Từ năm 2003 đến nay: Phó Giám đốc sản xuất PP.Pharco
  - + Từ năm 2005 đến tháng 06 năm 2010: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị PP.Pharco kiêm Phó Giám Đốc sản xuất PP.Pharco.
  - + Từ tháng 07 năm 2010 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc sản xuất PP.Pharco.
- Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc PP.Pharco
- Chức vụ tại các tổ chức khác : Không
- Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 14/01/2011:
  - Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần (chiếm 0,43% vốn điều lệ)
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty. Thù lao hàng năm do ĐHCĐ thường niên thông qua.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phần Công ty: Không

#### **7.4. Thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**

Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị:

§ Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 010/NQ-HĐQT ngày 26/07/2011 chấp thuận đơn từ nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị của Bà Nguyễn Thị

Bích Ngọc và bổ nhiệm Ông Thái Nhã Ngôn giữ chức vụ Chủ Tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2010-2015 kể từ ngày 30/07/2011.

Thay đổi thành viên Ban Tổng Giám Đốc:

Nghị Quyết 014/NQ-HĐQT ngày 02/11/2011 miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám Đốc đối với Ông Lê Văn Khôi kể từ ngày 03/11/2011.

## 7.5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách với người lao động

### + Số lượng cán bộ, nhân viên

Tổng số lao động của Công ty đến thời điểm 31/12/2011 là 125 người, cơ cấu lao động được thể hiện trong bảng sau:

#### Cơ cấu lao động tại thời điểm 31/12/2011

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
<b>I. Phân theo trình độ chuyên môn</b>	<b>125</b>	<b>100,00%</b>
- Đại học	21	16,80%
- Cao đẳng, Trung cấp	58	46,40%
- Sơ cấp, Công nhân kỹ thuật	46	36,80%
<b>II. Phân theo đối tượng lao động</b>	<b>125</b>	<b>100,00%</b>
- Lao động trực tiếp	104	83,20%
- Lao động gián tiếp	21	16,80%
<b>III. Phân theo dạng HĐLĐ</b>	<b>125</b>	<b>100,00%</b>
- Hợp đồng không XĐ thời hạn	42	33,60%
- Hợp đồng xác định thời hạn	83	66,40%

### + Chính sách đối với người lao động

#### a) Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Thời giờ làm việc của Nhân viên Công ty là 48 giờ /tuần. Khi cần thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh người sử dụng lao động và người lao động thoả thuận làm thêm giờ, chế độ làm thêm giờ được thực hiện theo quy định

của Công ty trên cơ sở quy định của Luật Lao động. Hàng năm Công nhân trực tiếp sản xuất được cung cấp từ 02-03 bộ đồ bảo hộ lao động. Công ty luôn tạo điều kiện môi trường vệ sinh công nghiệp tốt cho khu vực sản xuất trực tiếp. Khâu văn phòng trang bị đầy đủ thiết bị quản lý cho nhân viên thực hiện công việc đạt hiệu quả.

Công ty tổ chức khám sức khỏe cho người lao động theo định kỳ mỗi năm một lần.

*b) Chính sách đào tạo*

Đào tạo về chuyên môn: Công ty luôn động viên và có chính sách gửi nhân viên tham gia các lớp về chuyên môn nghiệp vụ ngành từ sơ cấp, trung cấp, đại học.. tùy theo tính yêu cầu công việc cần đào tạo Công ty tạo điều kiện về thời gian học tập.

Đào tạo về quản lý: Trong công tác quản lý, nhằm thực hiện nâng cao tính chuyên nghiệp trong quản lý, Công ty có chính sách gửi nhân viên tham gia các lớp quản lý ngắn ngày, theo chuyên đề phục vụ cho công việc quản lý như: Chứng khoán, quản lý dự án, quản lý sản xuất, các lớp về tiêu chuẩn ngành dược: GMP, GLP, GSP, GDP, GPP.

Nhằm vươn tới mục tiêu phát triển bền vững và lâu dài, Công ty đã xây dựng chính sách đối với người lao động theo định hướng sau:

- Hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để người lao động phát huy khả năng trong học tập nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ;
- Đào tạo và sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp với tình hình của Công ty.

*c) Chính sách lương, thưởng, phúc lợi*

*Chính sách lương:* Công ty trả lương theo năng lực, trách nhiệm, khoán công việc, khoán doanh thu, sản phẩm, lợi nhuận. Lương ngoài giờ trả đúng theo quy định Luật lao động quy định hiện hành.

Công ty xét tăng lương theo chức vụ được phân công, theo thâm niên công tác, theo năng lực đảm trách công việc; đảm bảo công việc đầy đủ cho người lao động, đảm bảo thu nhập phù hợp với khả năng, trình độ và đóng góp của từng người đối với Công ty. Công ty thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ đối với người lao động theo đúng với chế độ, chính sách quy định.

*Chính sách thưởng:* Công ty có chính sách khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có công lao đóng góp cho Công ty, có biện pháp kỷ luật đối với những cá nhân có hành động ảnh hưởng xấu đến quyền lợi và uy tín Công ty. Công ty có

chính sách bình chọn các danh hiệu thi đua như: Đề bạt chức vụ cao hơn, xét đề nghị các danh hiệu cao nhất như: Thầy thuốc nhân dân, Bằng khen Chính phủ, Huân chương lao động, Chiến sĩ thi đua cấp Thành phố, cấp cơ sở, các Bằng khen Thành phố, Bằng, Giấy khen ... đối tượng cho các cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, phát huy cao độ năng suất làm việc, có sáng kiến cải tiến phương pháp làm việc, tận tụy vì Công ty.

*Bảo hiểm và phúc lợi:* 100% CBCNV Công ty được hưởng đầy đủ chế độ BHXH-BHYT đúng quy định hiện hành. Chế độ nghỉ phép được thực hiện đúng theo quy định của Bộ Luật Lao động hiện hành. Các mức chi thăm hỏi, hiếu, hỷ, trợ cấp khó khăn cho người lao động được trích từ Quỹ phúc lợi. Hàng năm Công ty tổ chức cho người lao động đi tham quan du lịch bằng quỹ phúc lợi trích lại hàng năm.

## **VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **8.1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:**

#### **8.1.1. Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị Công ty có 7 thành viên như sau:

Ông Thái Nhã Ngôn	- Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	- Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Văn Khôi	- Thành viên
Ông Hồ Vinh Hiển	- Thành viên
Ông Nguyễn Đình Thắng	- Thành viên
Bà Trần Lê Thu	- Thành viên
Ông Bùi Thanh Tùng	- Thành viên

Số cổ phần nắm giữ và tỷ lệ nắm giữ cổ phần của các thành viên HĐQT:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày 30/12/2011	Tỷ lệ sở hữu (Số cổ phần nắm giữ/ Tổng số cổ phần)
<b>I.</b>	<b>Sở hữu đại diện phần vốn Nhà nước:</b>			
1.	Hồ Vinh Hiển	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	152.869	6,55%
2.	Trần Lệ Thu	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	152.869	6,55%
<b>II.</b>	<b>Sở hữu cá nhân:</b>			
1.	Thái Nhã Ngôn	Chủ tịch HĐQT	80.690	3,45%
2.	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Phó chủ tịch HĐQT	81.160	3,48%
3.	Hồ Vinh Hiển	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	77.600	3,32%
4.	Lê Văn Khôi	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	10.000	0,43%
5.	Nguyễn Đình Thắng	Thành viên HĐQT	114.800	4,92%
6.	Bùi Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	71.800	3,07%
7.	Trần Lệ Thu	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	24.100	1,03%
	<b>Tổng cộng</b>		<b>765.888</b>	<b>32,79%</b>

**8.1.2. Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát Công ty có 3 thành viên như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày 30/12/2011	Tỷ lệ sở hữu (Số cổ phần nắm giữ/ Tổng số cổ phần)
1.	Lê Thị Thảo Hương	Trưởng Ban kiểm soát	700	0,029%
2.	Nguyễn Mạnh Hà	Thành viên BKS	2.000	0,086%
3.	Võ Văn Khôi	Thành viên BKS	37.150	1,591%
	<b>Tổng cộng</b>		<b>39.850</b>	<b>1,706%</b>

**8.1.3. Thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát năm 2011**

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2011 thì mức thù lao HĐQT và BKS năm 2011 như sau:

STT	Chức danh	Số người	Mức thù lao (đồng/người/tháng)	Tổng cộng thù lao (đồng/tháng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)= (3) x (4)
1.	Chủ tịch HĐQT	1	2.200.000	2.200.000
2.	Phó Chủ tịch HĐQT	1	2.000.000	2.000.000
3.	Thành viên HĐQT	5	1.700.000	8.500.000
4.	Trưởng BKS	1	1.700.000	1.700.000
5.	Thành viên BKS	2	1.200.000	2.400.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>10</b>		<b>16.800.000</b>

**8.1.4. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:**

- Hội đồng quản trị Công ty: 07
- Ban kiểm soát: 03

## 8.2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông.

### 8.2.1. Cơ cấu cổ đông của Công ty

Tại thời điểm 31/12/2011, tổng số cổ đông của Công ty là 380 cổ đông với cơ cấu như sau:

STT	Đối tượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị tính theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
1.	Cổ đông Nhà nước	305.738	3.057.380.000	13,09
2.	Cổ đông đặc biệt	500.000	5.000.000.000	21,40
	- HĐQT và BGD và kế toán trưởng	460.150	4.601.500.000	19,70
	- Ban kiểm soát	39.850	398.500.000	1,70
3.	Cổ đông khác:	1.529.762	15.297.620.000	65,51
	- Cá nhân trong nước	1.528.162	15.281.620.000	65,44
	- Tổ chức trong nước	1.600	16.000.000	0,07
	- Cá nhân nước ngoài			
	- Tổ chức nước ngoài	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.335.500</b>	<b>23.355.000.000</b>	<b>100,00</b>

### 8.2.2. Cổ đông lớn và Cổ đông Nhà nước

Tại thời điểm 31/12/2011, Công ty có 01 Cổ đông lớn là Cổ đông Nhà nước đại diện là Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Sapharco).

Tên cổ đông	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Số cổ phần sở hữu tại ngày 30/12/2011	Tỷ lệ sở hữu (Số cổ phần nắm giữ/ Tổng số cổ phần)
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	18-20 Nguyễn Trường Tộ, P12, Quận 4, Tp. HCM	Sản xuất, phân phối và kinh doanh thuốc, dược phẩm	305.738	13,09%

Theo Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 15/08/2006 của Ủy ban nhân dân TP.HCM về tổ chức lại Công ty Dược TP.HCM thành Công ty TNHH MTV Dược



Sài Gòn hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, Công ty cổ phần Dược phẩm Phong Phú là 01 trong 18 công ty thành viên của Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn. Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn hiện quản lý phần vốn nhà nước tại PP.Pharco là 13,09% vốn điều lệ.

Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn có tên giao dịch là Saigon Pharmaceutical Company, tên viết tắt là Sapharco, giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4106000356 do Sở Kế hoạch - Đầu tư TP.HCM cấp ngày 21/12/2007. Trụ sở Sapharco đặt tại 18-20 Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP.HCM.

Với quy định công ty có vốn Nhà nước dưới 50% sẽ là công ty liên kết, mô hình này tạo điều kiện thuận lợi cho PP.Pharco phát triển bền vững trong định hướng chung của hệ thống Sapharco về phát triển sản xuất và khoa học công nghệ trong lĩnh vực phát triển ngành dược TP.HCM nói riêng và cả nước nói chung.

### 8.2.3. Cổ đông sáng lập.

Theo Giấy CNĐKKD lần đầu ngày 20/08/2000 thì danh sách cổ đông sáng lập của Công ty là:

STT	Tên Cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
<b>Đại diện vốn Nhà nước</b>				
1	Nguyễn Thị Bích Ngọc	452 Nguyễn Trãi, Phường 8, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh	288.000	48,00%
2	Huỳnh Thắng Trung	123 Hòa Hưng, Phường 12, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh		
<b>Đại diện các cổ đông:</b>				
3	Lê Văn Khôi	125/166A Hương Lộ 14, Quận Tân Bình	22.600	3,77%
4	Phùng Quốc Oanh	25 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1	12.000	2,00%
5	Trần Đàm San	155/24C Tô Hiến Thành, Phường 13, Quận 10	30.000	5,00%
6	Và 130 cổ đông		24.740	4,12%
	<b>Tổng cộng</b>		<b>377.340</b>	<b>62,89%</b>

#### **8.2.4. Cổ đông nước ngoài**

Tại danh sách cổ đông của Công ty ngày 31/12/2011 không có cổ đông là cá nhân nước ngoài sở hữu cổ phần của Công ty.

### **IX. CÁC PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM**

**PHỤ LỤC 01: BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN 31/12/2011**

**PHỤ LỤC 02: BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH 2011**

**PHỤ LỤC 03: BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ 2011**

**PHỤ LỤC 04: THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2011**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2012*

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**THÁI NHÃ NGÔN**

PHỤ LỤC 01

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31-12-11	01-01-11
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A . TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>VI.1</b>	<b>640,130,455</b>	<b>1,262,977,105</b>
1. Tiền	111		640,130,455	1,262,977,105
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>				
<b>1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn</b>	<b>121</b>		<b>450,000,000</b>	<b>4,000,000,000</b>
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>				
1. Phải thu của khách hàng	131		5,751,651,559	3,976,786,344
2. Trả trước cho người bán	132		4,691,433,269	5,346,214,792
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	<b>VI.3</b>	551,512,115	414,287,320
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>				
1. Hàng tồn kho	141	<b>VI.4</b>	<b>8,013,272,086</b>	<b>4,652,253,115</b>
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>				
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		35,156,000	-

2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3,456,034,923	2,243,765,754
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154			-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		300,000,000	353,000,000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 +240 +250 +260)</b>	<b>200</b>		<b>49,528,850,852</b>	<b>31,491,860,960</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	<b>352,291,751</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
2. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	352,291,751
3. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>49,126,936,978</b>	<b>30,708,947,201</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>VI.6</b>	3,280,804,700	3,723,766,818
- Nguyên giá	222		10,858,124,232	10,758,124,232
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(7,577,319,532)	(7,034,357,414)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	<b>VI.7</b>	5,500,000	8,500,000
- Nguyên giá	228		15,000,000	15,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(9,500,000)	(6,500,000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>VI.8</b>	45,840,632,278	26,976,680,383
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>			

			-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>VI.9</b>	<b>401,913,874</b>	<b>430,622,008</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		401,913,874	430,622,008
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>			<b>73,418,041,259</b>	<b>53,741,145,390</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A . NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)</b>	<b>300</b>		<b>42,459,899,242</b>	<b>24,071,014,914</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>VI.10</b>	<b>4,703,744,405</b>	<b>2,948,788,722</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả cho người bán	312		3,871,076,654	2,084,991,517
3. Người mua trả tiền trước	313		-	16,720
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		528,535,421	276,403,483
5. Phải trả công nhân viên	315		170,120,000	-
6. Chi phí phải trả	316		10,125,000	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	555,000,000
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		123,887,330	65,162,327
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	(32,785,325)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>37,756,154,837</b>	<b>21,122,226,192</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			

2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	VI.11	1,166,200,000	424,500,000
4. Vay và nợ dài hạn	334	VI.12	36,589,954,837	20,697,726,192
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
<b>B . VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 +420)</b>	<b>400</b>	<b>VI.13</b>	<b>30,958,142,017</b>	<b>29,670,130,476</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>30,958,142,017</b>	<b>29,670,130,476</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		23,355,000,000	23,355,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2,205,500,000	2,205,500,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	229,755,775
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1,878,837,916	1,488,754,285
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		662,772,123	609,329,504
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		2,856,031,978	1,781,790,911
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>			<b>73,418,041,259</b>	<b>53,741,145,390</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>31-12-11</b>	<b>01-01-11</b>
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	11,636,360
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
5. Ngoại tệ các loại	-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

**PHỤ LỤC 02**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**Năm 2011**

*Đơn vị tính: VND*

TT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>VI.14</b>	<b>84,518,461,862</b>	<b>66,719,884,423</b>
2.	Các khoản giảm trừ		-	6,366,000
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		84,518,461,862	66,713,518,423
4.	Giá vốn hàng bán	<b>VI.15</b>	76,582,410,820	61,119,938,049
5.	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>7,936,051,042</b>	<b>5,593,580,374</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	<b>VI.16</b>	158,658,441	555,317,744
7.	Chi phí tài chính	<b>VI.17</b>	54,719,550	82,788,497
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>54,719,550</i>	<i>82,788,497</i>
8.	Chi phí bán hàng		2,161,853,303	2,035,352,135
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp		3,883,650,298	2,786,956,430
10.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>1,994,486,332</b>	<b>1,243,801,056</b>
11.	Thu nhập khác		588,897,018	256,727,272
12.	Chi phí khác		12,003,589	31,771,120
13.	<b>Lợi nhuận khác</b>		<b>76,893,429</b>	<b>224,956,152</b>
14.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>2,571,379,761</b>	<b>1,468,757,208</b>
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	<b>VI.19</b>	475,832,983	399,904,836
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
17.	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>VI.19</b>	<b>2,095,546,778</b>	<b>1,068,852,372</b>
18.	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>VI.20</b>	897	467



PHỤ LỤC 03

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		42,875,219,946	33,983,818,865
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(46,846,157,512)	(32,979,098,630)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(5,569,644,578)	(4,034,667,179)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(44,594,550)	(82,788,497)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(200,881,190)	(602,459,847)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		7,331,907,215	8,499,216,753
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(8,492,793,701)	(8,156,244,858)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(10,946,944,370)</b>	<b>(3,372,223,393)</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(13,233,825,632)	(2,752,800,211)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		4,662,411,266	
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(7,320,000,000)	(12,155,000,000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		10,870,000,000	12,155,000,000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		153,933,441	555,317,744
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(4,867,480,925)</b>	<b>(2,197,482,467)</b>
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	1,355,000,000

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011**

32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	16,178,428,645	6,488,826,192
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(286,200,000)	(1,796,400,000)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	-	
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(700,650,000)	(1,100,000,000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>15,191,578,645</b>	<b>4,947,426,192</b>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(622,846,650)	(622,279,668)
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>1,262,977,105</b>	<b>1,885,256,773</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>640,130,455</b>	<b>1,262,977,105</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Phong Phú được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000135 đăng ký lần đầu ngày 20/08/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 11/02/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 23.355.000.000 VND.

**2. Lĩnh vực kinh doanh:** sản xuất, thương mại

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: kinh doanh thuốc chữa bệnh; xuất nhập khẩu trực tiếp. Mua bán mỹ phẩm.
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ thuốc; xuất nhập khẩu trực tiếp.
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất trà.
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa.
- Sản xuất các loại bánh từ bột.
- Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai; đồ uống không cồn (không hoạt động tại trụ sở).
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán trà; Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, đồ uống không có cồn. Mua bán thực phẩm chức năng.
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hàng hoá bằng ô tô chuyên dụng. Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá. Chi tiết: Lưu giữ hàng hoá.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng (trừ chế biến thực phẩm tươi sống).
- Hoạt động y tế khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ y tế (Sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hành nghề).
- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất thuốc chữa bệnh; xuất nhập khẩu trực tiếp.
- Sản xuất cacao, sôcôla và mứt kẹo.

### II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

#### 1. Niên độ kế toán:

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III. Chế độ kế toán áp dụng

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán của Bộ Tài Chính.

## **2. Hình thức sổ kế toán áp dụng:**

Hình thức sổ kế toán áp dụng tại công ty là Nhật ký chung.

## **IV. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam**

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## **V. Các chính sách kế toán áp dụng**

### **1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển:**

#### **1.1. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:**

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### **1.2. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Theo thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009, chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xoá số dư.

### **2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:**

**2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

**2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

**2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

**2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

### **3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

**3.1. Nguyên tắc ghi nhận:** Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

**3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

### **4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**

#### **4.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**4.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:** Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                          |             |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 20 - 50 năm |
| - Máy móc, thiết bị      | 06 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải    | 10 năm      |
| - Thiết bị văn phòng     | 05 năm      |
| - TSCĐ vô hình           | 04 - 06 năm |

### **5. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:**

**5.1. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:** Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

## **5.2. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:**

**5.2.1. Chi phí trả trước:** Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

**5.2.2. Chi phí khác:** Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

**5.3. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:** Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

## **6. Kế toán các khoản đầu tư tài chính:**

**6.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết:** Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

**6.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:** các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền".
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

**6.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác:** các khoản đầu tư khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền".
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

**6.4. Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:**

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

## **7. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

## **8. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm:**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích theo tỷ lệ 1-3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

#### **9. Ghi nhận chi phí trả trước:**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

#### **10. Nguồn vốn chủ sở hữu:**

**10.1. Ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại:** Cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại là cổ phiếu ngân quỹ của Công ty. Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

**10.2. Ghi nhận cổ tức:** Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

#### **10.3. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

#### **11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:**

##### **11.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

**11.2. Doanh thu hoạt động tài chính:** Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:



- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31-12-11</u>	<u>01-01-11</u>
Tiền mặt	479,174,107	946,246,057
Tiền gửi ngân hàng	160,956,348	316,731,048
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền		
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>640,130,455</u></b>	<b><u>1,262,977,105</u></b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<u>31-12-11</u>	<u>01-01-11</u>
1. Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	-
2. Đầu tư ngắn hạn khác (tiền gửi có kỳ hạn)	450,000,000	4,000,000,000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>450,000,000</u></b>	<b><u>4,000,000,000</u></b>

**3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<u>31-12-11</u>	<u>01-01-11</u>
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn tạm tính	4,725,000	61,114,130

- Bảo hiểm y tế trả thừa	2,285,072	63,249,250
- Bảo hiểm thất nghiệp trả thừa	1,015,588	
- Phải thu các cửa hàng	543,486,455	289,923,940
<b>Tổng cộng</b>	<b>551,512,115</b>	<b>414,287,320</b>
<b>4. Hàng tồn kho</b>		
	<u>31-12-11</u>	<u>01-01-11</u>
Giá gốc của hàng tồn kho		
- Nguyên liệu, vật liệu	3,277,662,086	1,227,462,212
- Công cụ, dụng cụ	113,485,000	-
- Chi phí SXKD dở dang	503,437,600	635,298,339
- Thành phẩm	2,433,317,488	535,416,418
- Hàng hoá	1,685,369,912	2,254,076,146
<b>Tổng cộng</b>	<b>8,013,272,086</b>	<b>4,652,253,115</b>
<b>5. Tài sản ngắn hạn khác</b>		
	<u>31-12-11</u>	<u>01-01-11</u>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	35,156,000	-
2. Thuế GTGT còn được khấu trừ	3,456,034,923	2,243,765,754
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	300,000,000	353,000,000
- <i>Tạm ứng</i>	-	223,000,000
- <i>Ký quỹ ký cược ngắn hạn</i>	300,000,000	130,000,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>3,791,190,923</b>	<b>2,596,765,754</b>

**6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
1. Số dư đầu năm	3,924,769,588	5,496,064,720	841,674,717	276,567,588	219,047,619	<b>10,758,124,232</b>
2. Số tăng trong năm	-	80,000,000	-	20,000,000	-	100,000,000
<i>Bao gồm:</i>						-
- Mua sắm mới		80,000,000	-	20,000,000	-	100,000,000
- Xây dựng mới	-					
- Tăng khác					-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	3,924,769,588	5,576,064,720	841,674,717	296,567,588	219,047,619	<b>10,858,124,232</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu năm	2,030,608,588	4,391,744,920	196,073,657	196,882,630	219,047,619	<b>7,034,357,414</b>
2. Tăng trong năm	169,986,500	244,472,600	84,167,060	44,335,958	-	542,962,118
- Khấu hao trong năm	169,986,500	244,472,600	84,167,060	44,335,958	-	542,962,118
- Tăng khác					-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-

4. Số dư cuối năm	2,200,595,088	4,636,217,520	280,240,717	241,218,588	219,047,619	<b>7,577,319,532</b>
-------------------	---------------	---------------	-------------	-------------	-------------	----------------------

**III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH**

1. Tại ngày đầu năm	1,894,161,000	1,104,319,800	645,601,060	79,684,958	-	<b>3,723,766,818</b>
2. Tại ngày cuối năm	1,724,174,500	939,847,200	561,434,000	55,349,000	-	<b>3,280,804,700</b>

**7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	TSCĐ vô hình khác	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
----------	-------------------	------------------	-----------

**I. Nguyên giá TSCĐ vô hình**

1. Số dư đầu năm	-	15,000,000	<b>15,000,000</b>
2. Số tăng trong năm <i>Bao gồm:</i>	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ DN	-	-	-
- Tăng do hợp nhất KD	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
3. Số giảm trong năm <i>Bao gồm:</i>	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	15,000,000	<b>15,000,000</b>

**II. Giá trị hao mòn lũy kế**

1. Số dư đầu năm	-	6,500,000	<b>6,500,000</b>
2. Khấu hao trong năm	-	3,000,000	3,000,000
3. Giảm trong kỳ <i>Bao gồm:</i>	-	-	-
- Thanh lý nhượng bán	-	-	-

- Giảm khác	-	-
4. Số dư cuối năm	-	9,500,000
		<b>9,500,000</b>

**III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH**

1. Tại ngày đầu năm	-	<b>8,500,000</b>
2. Tại ngày cuối năm	-	<b>5,500,000</b>

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>31-12-11</u>	<u>01-01-11</u>
+ Nhà máy SX thuốc theo tiêu chuẩn GMP - Hải Sơn	5,482,591,517	4,705,727,881
+ Nhà máy SX thuốc theo tiêu chuẩn GMP - Tân Tạo	36,799,320,400	22,270,952,502
+ Quyền sử dụng đất (30 - 32 Phong Phú)	3,558,720,361	
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>45,840,632,278</u></b>	<b><u>26,976,680,383</u></b>

**9. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>31-12-11</u>	<u>01-01-11</u>
- Chi phí thuê gian hàng tại TTTM Dược Phẩm và Trang Thiết Bị Y Tế (thời hạn từ 21/12/2006 đến 31/12/2025)	401,913,874	430,622,008
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>401,913,874</u></b>	<b><u>430,622,008</u></b>

**10. Nợ ngắn hạn**

**10.1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:**

	<u>31-12-11</u>	<u>01-01-11</u>
- Thuế GTGT	47,174,005	44,578,025
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	450,793,497	175,841,704
- Thuế thu nhập cá nhân	30,567,919	55,983,754
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>528,535,421</u></b>	<b><u>276,403,483</u></b>

**10.2. Chi phí phải trả**

<u>31-12-11</u>	<u>01-01-11</u>
-----------------	-----------------

- Trích trước lãi vay phải trả	10,125,000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>10,125,000</b>	<b>-</b>
<b>10.3. Các khoản phải trả, phải nộp khác</b>		
	<u>31-12-11</u>	<u>01-01-11</u>
- BHXH	15,742,933	
- BHYT		65,162,327
- KPCĐ	4,944,397	-
- Phải trả Anh Đức	103,200,000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>123,887,330</b>	<b>65,162,327</b>
<b>11. Phải trả dài hạn khác</b>		
	<u>31-12-11</u>	<u>01-01-11</u>
- Nhận ký quỹ dài hạn của các cửa hàng	1,166,200,000	424,500,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1,166,200,000</b>	<b>424,500,000</b>
<b>12. Vay và nợ dài hạn</b>		
	<u>31-12-11</u>	<u>01-01-11</u>
- Ngân hàng PT Nhà Đồng bằng SCL - CN Chợ Lớn	35,689,954,837	20,614,726,192
- Vay của cán bộ công nhân viên	900,000,000	83,000,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>36,589,954,837</b>	<b>20,697,726,192</b>

**13. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>22,000,000,000</b>	<b>2,205,500,000</b>	<b>145,207,855</b>	<b>1,319,658,445</b>	<b>524,781,584</b>	<b>2,320,226,05</b>
- Tăng vốn trong năm trước	1,355,000,000					
- Lãi trong năm trước						1,068,852,37
- Tăng khác			-	-	-	
- Giảm vốn trong năm trước						
- Trích các quỹ			84,547,920	169,095,840	84,547,920	(422,739,60)
- Chia cổ tức						(1,100,000,00)
- Trích tăng vốn khác CSH						(84,547,92)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>23,355,000,000</b>	<b>2,205,500,000</b>	<b>229,755,775</b>	<b>1,488,754,285</b>	<b>609,329,504</b>	<b>1,781,790,91</b>
- Tăng vốn trong năm nay	-					
- Lãi trong năm nay						2,095,546,77
- Tăng khác				283,198,394		
- Giảm vốn trong năm nay						
- Trích các quỹ			53,442,619	106,885,237	53,442,619	(320,655,71)
- Chia cổ tức						(700,650,00)
- Trích tăng vốn khác CSH						
- Giảm khác			(283,198,394)			
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>23,355,000,000</b>	<b>2,205,500,000</b>	<b>-</b>	<b>1,878,837,916</b>	<b>662,772,123</b>	<b>2,856,031,97</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Năm nay</u>	%	<u>Năm trước</u>	%
<b>Vốn cổ phần</b>	<b>23,355,000,000</b>	<b>100%</b>	<b>23,355,000,000</b>	<b>100%</b>
Vốn góp của các đối tượng	23,355,000,000	100%	23,355,000,000	100%
<b>Cộng</b>	<b><u>23,355,000,000</u></b>		<b><u>23,355,000,000</u></b>	

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	23,355,000,000	22,000,000,000
Vốn góp tăng trong năm	-	1,355,000,000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	23,355,000,000	23,355,000,000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	700,650,000	1,100,000,000

**e) Cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	2,335,500	2,335,500
- Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	2,335,500	2,200,000
Cổ phiếu phổ thông	2,335,500	2,335,500
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2,335,500	2,200,000
Cổ phiếu phổ thông	2,335,500	2,335,500
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(\*): Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP.

**f) Các quỹ doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	1,878,837,916	1,488,754,285
- Quỹ dự phòng tài chính	662,772,123	609,329,504
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-



**14. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>14.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>84,518,461,862</b>	<b>66,719,884,423</b>
+ Doanh thu bán hàng	84,491,189,135	66,691,604,933
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	27,272,727	28,279,490
<b>14.2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>6,366,000</b>
+ Chiết khấu thương mại	-	-
+ Giảm giá hàng bán	-	-
+ Hàng bán bị trả lại	-	6,366,000
<b>14.3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>84,518,461,862</b>	<b>66,713,518,423</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>84,518,461,862</u></b>	<b><u>66,713,518,423</u></b>

**15. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của thành phẩm và hàng hoá đã cung cấp	76,582,410,820	61,119,938,049
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>76,582,410,820</u></b>	<b><u>61,119,938,049</u></b>

**16. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi	158,658,441	555,317,744
	<b><u>158,658,441</u></b>	<b><u>555,317,744</u></b>

**17. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí lãi vay	54,719,550	82,788,497
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>54,719,550</u></b>	<b><u>82,788,497</u></b>

**18. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14,894,831,004	7,712,551,944
- Chi phí nhân công	2,056,509,118	4,574,990,322
- Chi phí khấu hao TSCĐ	545,962,118	538,122,118
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,093,153,525	1,330,879,744
- Chi phí bằng tiền khác	1,521,961,158	1,138,584,789
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>20,112,416,923</u></b>	<b><u>15,295,128,917</u></b>

**19. Chi thuế TNDN hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong kỳ**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

<b>Chi tiêu</b>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2,571,379,761	1,468,757,208
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu Thuế TNDN		
+ Các khoản điều chỉnh tăng	147,665,857	130,862,132
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	2,719,045,618	1,599,619,340
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	679,761,405	399,904,836
- (*) Thuế TNDN được giảm	203,928,422	-
- Thuế TNDN còn phải nộp	475,832,983	399,904,836
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	2,095,546,778	1,068,852,372

(\*) Thuế TNDN được giảm căn cứ theo Nghị quyết 08/2011/QH13 ngày 06/08/2011 của Chính phủ (Thông tư số 154/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ tài chính).

**20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông	2,095,546,778	1,068,852,372
- Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	2,335,500	2,286,497
- Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	897	467

**VII. Những thông tin khác**

**Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS). Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.